

Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long

Báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2013

Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long
Thông tin về Công ty

Giấy chứng nhận

đăng ký kinh doanh số 0200344752

ngày 5 tháng 3 năm 1999

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh ngày 4 tháng 3 năm 2014. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp.

Hội đồng Quản trị

Phạm Hữu Quý Lâm
Bùi Quốc Hưng
Lâm Hồng Thanh
Nguyễn Văn Bình
Mai Xuân Phong

Chủ tịch
Phó Chủ tịch
Thành viên
Thành viên
Thành viên

Ban Giám đốc

Wilson Cheah Hui Pin
Phạm Thị Thu Nga

Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 10 tháng 3 năm 2014)

Trụ sở đăng ký

Số 71 Lê Lai
Quận Ngô Quyền
Thành phố Hải Phòng
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long
Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính riêng theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính riêng được trình bày từ trang 5 đến trang 38 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long ("Công ty") tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng này.



Thay mặt Ban Giám đốc
Wilson Cheah Hui Pin
Tổng Giám đốc

Thành phố Hải Phòng,

29 -03- 2014

KPMG Limited

46th Floor, Keangnam Hanoi Landmark Tower
72 Building, Plot E6, Pham Hung Street
Me Tri, Tu Liem, Hanoi city
The Socialist Republic of Vietnam

Telephone +84 (4) 3946 1600
Fax +84 (4) 3946 1601
Internet www.kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi các Cổ đông
Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng đính kèm của Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long ("Công ty"), bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 29-03-2014 được trình bày từ trang 5 đến 38.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm đối với hệ thống kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của đơn vị kiểm toán

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính chưa hợp nhất của Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ chưa hợp nhất trong năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Giấy chứng nhận đầu tư số: 011043000345

Báo cáo kiểm toán số: 13-02-113



Wang Toon Kim

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0557-2013-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội,

29 MAR 2014

Lại Thùy Linh

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 2040-2013-007-1

Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mẫu B 01 – DN

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		115.992.967.908	81.102.117.684
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	14.762.451.927	5.513.032.329
Tiền	111		14.762.451.927	5.513.032.329
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	10	1.741.762.200	1.770.688.000
Các khoản đầu tư ngắn hạn	121		5.952.080.000	5.952.080.000
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn	129		(4.210.317.800)	(4.181.392.000)
Các khoản phải thu ngắn hạn	130	5	28.933.690.536	16.691.168.853
Phải thu khách hàng	131		8.171.492.934	11.664.878.876
Trả trước cho người bán	132		13.319.302.858	716.303.908
Các khoản phải thu khác	135		14.286.944.196	10.979.365.895
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(6.844.049.452)	(6.669.379.826)
Hàng tồn kho	140	6	70.048.271.009	56.494.751.974
Hàng tồn kho	141		70.906.692.870	57.379.750.610
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(858.421.861)	(884.998.636)
Tài sản ngắn hạn khác	150		506.792.236	632.476.528
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		270.350.898	177.325.546
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		32.573.275	33.882.302
Tài sản ngắn hạn khác	158		203.868.063	421.268.680
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 250 + 260)	200		56.798.357.015	66.255.192.795
Các khoản phải thu dài hạn	210	5	9.015.703.224	8.994.332.688
Phải thu dài hạn khác	218		9.015.703.224	8.994.332.688
Tài sản cố định	220		34.701.470.782	40.390.592.486
Tài sản cố định hữu hình	221	7	21.321.336.990	26.435.413.240
Nguyên giá	222		98.897.937.220	99.278.057.610
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(77.576.600.230)	(72.842.644.370)
Tài sản cố định vô hình	227	8	11.987.672.202	12.532.172.202
Nguyên giá	228		11.987.672.202	12.532.172.202
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	9	1.392.461.590	1.423.007.044
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	10	12.456.728.924	16.519.268.008
Đầu tư vào công ty con	251		15.000.000.000	23.000.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(2.543.271.076)	(6.480.731.992)
Tài sản dài hạn khác	260		624.454.085	350.999.613
Chi phí trả trước dài hạn	261		424.454.085	305.999.613
Tài sản dài hạn khác	268		200.000.000	45.000.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		172.791.324.923	147.357.310.479

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		62.180.456.921	46.035.054.936
Nợ ngắn hạn	310		61.909.171.206	42.991.769.221
Vay ngắn hạn	311	11	11.281.960.063	2.239.510.080
Phải trả người bán	312	12	17.459.498.459	5.719.786.044
Người mua trả tiền trước	313		404.259.641	393.943.457
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	13	8.045.838.350	12.175.256.795
Phải trả người lao động	315		10.161.370.614	8.778.786.460
Chi phí phải trả	316	14	6.090.716.509	4.126.045.903
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	15	728.413.977	1.386.346.366
Dự phòng ngắn hạn	320	17	5.458.254.250	5.458.254.250
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	16	2.278.859.343	2.713.839.866
Vay và nợ dài hạn	330		271.285.715	3.043.285.715
Phải trả dài hạn khác	333		271.285.715	271.285.715
Vay dài hạn	334	18	-	2.772.000.000
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		110.610.868.002	101.322.255.543
Vốn chủ sở hữu	410	19	110.610.868.002	101.322.255.543
Vốn cổ phần	411	20	50.000.000.000	50.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		15.753.387.350	15.753.387.350
Quỹ đầu tư phát triển	417	22	12.232.663.256	11.159.252.530
Quỹ dự phòng tài chính	418	22	10.856.450.403	10.320.841.571
Lợi nhuận chưa phân phối	420		21.768.366.993	14.088.774.092
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		172.791.324.923	147.357.310.479

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Đơn vị tiền tệ	31/12/2013	31/12/2012
Nợ khó đòi đã xử lý	VND	2.396.601.988	2.396.601.988
Ngoại tệ	USD	2.892	2.903

Người lập:

Nguyễn Hồng Nam
Kế toán trưởng



Người duyệt:

Wilson Cheah Hui Pin
Tổng Giám đốc

29-03-2014

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

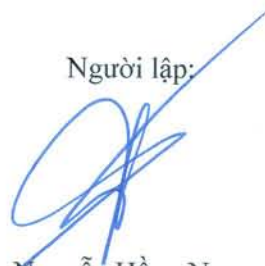
Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mẫu B 02 – DN

	Mã số	Thuyết minh	2013 VND	2012 VND
Tổng doanh thu	01	23	310.847.669.094	304.896.681.615
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	23	2.303.482.633	1.673.712.073
Doanh thu thuần (10 = 01 - 02)	10	23	308.544.186.461	303.222.969.542
Giá vốn hàng bán	11	24	203.680.828.688	214.073.971.026
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		104.863.357.773	89.148.998.516
Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	270.374.071	2.360.611.131
Chi phí tài chính	22	26	(3.166.307.596)	9.014.311.790
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		333.345.353	2.424.788.354
Chi phí bán hàng	24		45.427.045.101	39.249.663.721
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		38.652.756.451	31.476.373.797
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}	30		24.220.237.888	11.769.260.339
Thu nhập khác	31	27	1.236.000.673	30.293.207.820
Chi phí khác	32	28	1.675.245.965	30.478.862.401
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		(439.245.292)	(185.654.581)
Lợi nhuận trước thuế (50 = 30 + 40)	50		23.780.992.596	11.583.605.758
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	29	6.407.181.878	3.135.043.278
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)	60		17.373.810.718	8.448.562.480

Người lập:



Nguyễn Hồng Nam
Kế toán trưởng



Người duyệt:

Wilson Cheah Hui Pin
Tổng Giám đốc

29 -03- 2014

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013****(Phương pháp gián tiếp)****Mẫu B 03 – DN**

	Mã số	Thuyết minh	2013 VND	2012 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		23.780.992.596	11.583.605.758
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		6.701.402.779	8.427.933.976
Các khoản dự phòng	03		(3.760.442.265)	6.932.513.539
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(269.396.897)	(2.327.052.475)
Chi phí lãi vay	06		333.345.353	2.424.788.354
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		26.785.901.566	27.041.789.152
Biến động các khoản phải thu	09		(12.374.852.201)	3.507.512.159
Biến động hàng tồn kho	10		(13.526.942.260)	32.736.472.330
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		12.035.866.787	(10.665.540.988)
Biến động chi phí trả trước	12		(8.758.875)	545.689.666
			12.911.215.017	53.165.922.319
Tiền lãi vay đã trả	13		(333.345.353)	(2.424.788.354)
Thuế thu nhập đã nộp	14		(8.133.116.140)	(1.700.000.000)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(1.020.178.782)	(6.669.731.596)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		3.424.574.742	42.371.402.369
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(1.759.502.024)	(486.383.181)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22		544.500.000	-
Tiền thu từ bán một công ty con	22		8.000.000.000	-
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27		269.396.897	1.956.120.753
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		7.054.394.873	1.469.737.572

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013****(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)****Mẫu B 03 – DN**

	Mã	Thuyết	2013	2012
	số	minh	VND	VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền vay ngắn hạn và dài hạn nhận được	33		17.496.643.449	32.211.594.431
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(11.226.193.466)	(65.021.666.220)
Tiền trả cổ tức	36		(7.500.000.000)	(10.000.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(1.229.550.017)	(42.810.071.789)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50		9.249.419.598	1.031.068.152
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60		5.513.032.329	4.481.964.177
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60)	70	4	14.762.451.927	5.513.032.329

Người lập:

Nguyễn Hồng Nam
Kế toán trưởng

Người duyệt:

Wilson Cheah Hui Pin
Tổng Giám đốc

29 -03- 2014

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt nam. Các hoạt động chính của Công ty là:

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất của chủ sở hữu, người sử dụng đất hoặc người thuê đất;
- Sản xuất, chế biến, đóng hộp và xuất khẩu các mặt hàng thủy, hải sản, súc sản đông lạnh và các thực phẩm khác;
- Nhập khẩu các thiết bị, công nghệ, nguyên vật liệu, hóa chất phục vụ sản xuất các mặt hàng của Công ty;
- Sản xuất dầu gan cá và các chế phẩm nang mềm;
- Sản xuất các chế phẩm từ tảo biển: Agar – Alginate; và
- Kinh doanh xăng, dầu, khí đốt và khí hóa lỏng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Công ty có 616 nhân viên (31/12/2012: 728 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính riêng được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính riêng, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Báo cáo tài chính riêng được lập và trình bày bằng Đồng Việt Nam (“VND”).

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái của ngày kết thúc niên độ kế toán. Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư được phản ánh theo nguyên giá. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi giá thị trường của khoản đầu tư giảm xuống thấp hơn nguyên giá hoặc nếu công ty nhận đầu tư bị lỗ. Dự phòng được hoàn nhập nếu việc tăng giá trị có thể thu hồi sau đó có thể liên hệ một cách khách quan tới một sự kiện phát sinh sau khi khoản dự phòng này được lập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa	6 – 25 năm
▪ máy móc và thiết bị	4 – 10 năm
▪ phương tiện vận chuyển	8 năm
▪ dụng cụ văn phòng	3 – 4 năm

(g) Tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Khấu hao không được tính đối với quyền sử dụng đất có thời hạn không xác định.

(h) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(i) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

(j) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản.

Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở số năm làm việc của nhân viên, mức lương hiện tại của họ.

Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, Công ty và các nhân viên phải đóng vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của nhân viên hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp, Công ty không phải lập dự phòng trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của nhân viên sau ngày 1 tháng 1 năm 2009. Khoản trợ cấp thôi việc phải trả cho các nhân viên đủ điều kiện hiện có tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2013 sẽ được xác định dựa trên số năm làm việc của nhân viên được tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước thời điểm thôi việc.

Ngày 24 tháng 10 năm 2012, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 180/2012/TT-BTC (“Thông tư 180”) hướng dẫn xử lý tài chính về chi trợ cấp mất việc làm cho người lao động tại doanh nghiệp. Thông tư 180 quy định rằng, khi lập báo cáo tài chính cho năm 2012, nếu quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm của doanh nghiệp (Tài khoản 351 – Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm) còn số dư, doanh nghiệp phải hoàn nhập số dư này vào tài khoản thu nhập khác năm 2012 và không được chuyển số dư này sang năm sau. Ban Giám đốc Công ty tin rằng Thông tư 180 cũng áp dụng đối với dự phòng trợ cấp thôi việc. Do đó, Công ty đã hoàn nhập số dư của dự phòng trợ cấp thôi việc tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 sang tài khoản thu nhập khác cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 và sẽ không trích lập dự phòng trợ cấp thôi việc nữa. Thay đổi về chính sách kế toán này đã được áp dụng phi hồi tố từ năm 2012.

Nếu Công ty áp dụng chính sách kế toán về trích lập dự phòng trợ cấp thôi việc theo Bộ Luật Lao động và Chuẩn mực kế toán số 18 – Các khoản dự phòng, tài sản và nợ tiềm tàng, nợ phải trả dài hạn và lợi nhuận chưa phân phối tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 sẽ lần lượt tăng 2.277 triệu VND và giảm 1.776 triệu VND (trừ ảnh hưởng của thuế thu nhập hoãn lại là 501 triệu VND).

(k) Phân loại các công cụ tài chính

Nhằm mục đích duy nhất là cung cấp các thông tin thuyết minh về tầm quan trọng của các công cụ tài chính đối với tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty và tính chất và mức độ rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính, Công ty phân loại các công cụ tài chính như sau:

(i) Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - tài sản được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp tài sản tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Công ty xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các tài sản tài chính đã được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và
- các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- các khoản mà Công ty có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Công ty xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- các khoản mà Công ty có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- các tài sản tài chính xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- các khoản cho vay và các khoản phải thu.

(ii) *Nợ phải trả tài chính*

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Một khoản nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh nếu:
 - khoản nợ đó được tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - là công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Việc phân loại các công cụ tài chính kể trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh và không nhằm mục đích mô tả phương pháp xác định giá trị của các công cụ tài chính. Các chính sách kế toán về xác định giá trị của các công cụ tài chính được trình bày trong các thuyết minh liên quan khác.

(I) *Thuế*

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(m) Doanh thu

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

(ii) Doanh thu cho thuê

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

(iii) Doanh thu từ cổ tức

Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

(n) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(o) Chi phí vay

Chi phí vay được ghi nhận là một chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh.

(p) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty hoạt động trong một lĩnh vực kinh doanh, là sản xuất thực phẩm đóng hộp, và một khu vực địa lý, là Việt Nam.

(q) Các bên liên quan

Các bên liên quan bao gồm các tổ chức và các cá nhân có ảnh hưởng đáng kể trực tiếp hoặc gián tiếp tới Công ty, các nhân viên quản lý chủ chốt, các thành viên mật thiết trong gia đình của những người này và các công ty con và các công ty liên kết của các tổ chức và cá nhân này.

Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Tiền mặt	678.742.556	900.473.648
Tiền gửi ngân hàng	14.083.709.371	4.612.558.681
	14.762.451.927	5.513.032.329

5. Các khoản phải thu ngắn hạn và dài hạn

Bao gồm trong các khoản phải thu và trả trước cho người bán có các khoản phải thu từ các công ty liên quan sau:

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Phải thu từ các công ty liên quan – ngắn hạn		
Thương mại	-	6.202.839.090
Phi thương mại	7.175.903.082	2.471.656.777
Phải thu từ các công ty liên quan – ngắn hạn		
Thương mại	12.557.615.261	-
Phải thu từ các công ty liên quan – dài hạn		
Thương mại	9.015.703.224	8.994.332.688

Khoản phải thu thương mại từ các công ty liên quan không có đảm bảo, không chịu lãi và có thể thu được trong vòng 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Khoản phải thu phi thương mại ngắn hạn bao gồm các khoản vay không đảm bảo cấp cho một công ty con với lãi suất 0% một năm (31/12/2012: 18%) với giá trị 2.101 triệu VND (31/12/2012: 2.101 triệu VND). Các khoản phải thu phi thương mại ngắn hạn khác từ các công ty liên quan không có đảm bảo, không chịu lãi suất và có thể thu được khi có nhu cầu.

Khoản phải thu thương mại dài hạn từ một công ty con phản ánh các khoản thu từ hoạt động bán tài sản cố định, không có đảm bảo và không chịu lãi. Các khoản này bao gồm khoản phải thu 599 triệu VND sau ngày 31 tháng 12 năm 2014 (31/12/2012: Không). Các khoản phải thu thương mại dài hạn khác phải thu hàng năm trong 12 kỳ.

Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013**
(tiếp theo)**Mẫu B 09 – DN**

Các khoản phải thu ngắn hạn khác bao gồm:

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Các khoản vay cấp cho công ty con	2.100.725.059	2.100.725.059
Tạm ứng cho công ty con	5.075.178.023	-
Phải thu từ thanh lý công cụ và tài sản khác cho công ty con	-	1.625.950.283
Tiền lãi phải thu từ công ty con	-	370.931.722
Phải thu người lao động	567.000.000	428.956.436
Phải thu từ các cá nhân	5.458.254.250	5.458.254.250
Phải thu khác	1.085.786.864	994.548.145
	14.286.944.196	10.979.365.895

6. Hàng tồn kho

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Hàng mua đang đi trên đường	1.164.019.582	-
Nguyên vật liệu	33.550.848.737	28.777.723.484
Công cụ và dụng cụ	76.930.459	55.616.247
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	2.461.768.093	3.441.319.428
Thành phẩm	17.836.483.999	25.105.091.451
Hàng hóa	15.816.642.000	-
	70.906.692.870	57.379.750.610
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(858.421.861)	(884.998.636)
	70.048.271.009	56.494.751.974

Biến động trong năm của dự phòng giảm giá hàng tồn kho là như sau:

	2013 VND	2012 VND
Số dư đầu năm	884.998.636	527.743.250
Tăng dự phòng trong năm	858.421.861	883.453.299
Hoàn nhập	(884.998.636)	(526.197.913)
Số dư cuối năm	858.421.861	884.998.636

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 hàng tồn kho có giá trị ghi sổ là 33.300 triệu VND (31/12/2012: Không) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty.

7. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Dụng cụ văn phòng VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm	36.750.903.983	53.287.886.986	6.964.696.760	2.274.569.881	99.278.057.610
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	-	1.790.047.478	-	-	1.790.047.478
Phân loại lại (*)	(412.372.788)	(1.628.032.869)	(95.080.036)	(34.682.175)	(2.170.167.868)
Số dư cuối năm	36.338.531.195	53.449.901.595	6.869.616.724	2.239.887.706	98.897.937.220
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	22.560.599.762	44.276.227.797	4.881.159.539	1.124.657.272	72.842.644.370
Khấu hao trong năm	3.386.782.141	2.000.514.019	948.225.336	365.881.283	6.701.402.779
Phân loại lại (*)	(392.708.533)	(1.444.976.175)	(95.080.036)	(34.682.175)	(1.967.446.919)
Số dư cuối năm	25.554.673.370	44.831.765.641	5.734.304.839	1.455.856.380	77.576.600.230
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	14.190.304.221	9.011.659.189	2.083.537.221	1.149.912.609	26.435.413.240
Số dư cuối năm	10.783.857.825	8.618.135.954	1.135.311.885	784.031.326	21.321.336.990

Bao gồm trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 có các tài sản có nguyên giá 50.043 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (31/12/2012: 46.045 triệu VND).

(*) Kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2013, Công ty áp dụng phi hồi tố Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định (“Thông tư 45”). Việc phân loại lại này phản ánh giá trị còn lại của các tài sản cố định hiện có không đáp ứng một trong các tiêu chuẩn để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định tại Điều 3, Thông tư 45, là có nguyên giá từ 30 triệu VND trở lên. Các tài sản này được phân loại lại là Chi phí trả trước dài hạn.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, các tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại 9.500 triệu VND (31/12/2012: 16.851 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty.

8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất có thời hạn không xác định.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, không có tài sản cố định vô hình được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty (31/12/2012: 11.200 triệu VND).

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	2013 VND	2012 VND
Số dư đầu năm	1.423.007.044	1.398.461.590
Tăng trong năm	1.759.502.024	24.545.454
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(1.790.047.478)	-
Số dư cuối năm	1.392.461.590	1.423.007.044

Xây dựng cơ bản dở dang chủ yếu thể hiện cơ sở hạ tầng được phát triển với mục đích cho thuê trong tương lai.

10. Các khoản đầu tư tài chính

	31/12/2013		31/12/2012	
	Số lượng cổ phiếu	VND	Số lượng cổ phiếu	VND
Đầu tư ngắn hạn:				
• Cổ phiếu của Công ty Cổ phần Thủy sản Minh Phú	4.740	303.300.000	4.740	303.300.000
• Cổ phiếu của Ngân hàng TMCP Quân đội	96.701	3.142.610.000	96.701	3.142.610.000
• Cổ phiếu của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh vượng	51.935	2.506.170.000	51.935	2.506.170.000
	153.376	5.952.080.000	153.376	5.952.080.000
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn		(4.210.317.800)		(4.181.392.000)
		1.741.762.200		1.770.688.000

Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013****(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN**

	31/12/2013			31/12/2012		
	% vốn sở hữu	% quyền biểu quyết	VND	% vốn sở hữu	% quyền biểu quyết	VND
Đầu tư vốn dài hạn tại các công ty con:						
• Công ty TNHH MTV Thực phẩm Đồ hộp Hạ Long – Đà Nẵng	100%	100%	15.000.000.000	100%	100%	15.000.000.000
• Công ty TNHH MTV Thực phẩm Đồ hộp Hạ Long (*)	-	-	-	100%	100%	8.000.000.000
			<u>15.000.000.000</u>			<u>23.000.000.000</u>
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn			<u>(2.543.271.076)</u>			<u>(6.480.731.992)</u>
			<u>12.456.728.924</u>			<u>16.519.268.008</u>

Công ty TNHH MTV Thực phẩm Đồ hộp Hạ Long – Đà Nẵng là một công ty được thành lập tại Việt Nam.

(*) Ngày 6 tháng 5 năm 2013, Công ty TNHH MTV Thực phẩm Đồ hộp Hạ Long đã được bán lại toàn bộ cho một cá nhân. Do đó, tỷ lệ sở hữu của Công ty tại Công ty TNHH MTV Thực phẩm Đồ hộp Hạ Long giảm từ 100% xuống còn 0%.

Biến động trong năm của dự phòng giảm giá đầu tư như sau:

	Ngắn hạn		Dài hạn	
	2013 VND	2012 VND	2013 VND	2012 VND
Số dư đầu năm	4.181.392.000	4.423.025.200	6.480.731.992	-
Tăng dự phòng trong năm	28.925.800	-	-	6.480.731.992
Hoàn nhập	-	(241.633.200)	(3.937.460.916)	-
Số dư cuối năm	<u>4.210.317.800</u>	<u>4.181.392.000</u>	<u>2.543.271.076</u>	<u>6.480.731.992</u>

Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN****11. Vay ngắn hạn**

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Vay ngắn hạn	10.159.608.819	65.431.545
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 18)	1.122.351.244	2.174.078.535
	11.281.960.063	2.239.510.080

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Các khoản vay từ ngân hàng Indovina (“Indovinabank”) 046CL/IVB HP-CR/2013	VND	6%	4.716.409.500	-
Các khoản vay từ ngân hàng HSBC HPO 130985	VND	8,8%	5.386.765.053	-
Các khoản vay khác	VND	12%	56.434.266	65.431.545
			10.159.608.819	65.431.545

Các khoản vay từ ngân hàng Indovinabank được đảm bảo bằng các tài sản cố định hữu hình và hàng tồn kho có giá trị ghi sổ là 27.800 triệu VND (31/12/2012: Không) (Thuyết minh 6 và 7).

Các khoản vay từ ngân hàng HSBC được đảm bảo bằng hàng tồn kho có giá trị ghi sổ là 15.000 triệu VND (31/12/2012: Không) (Thuyết minh 6).

Các khoản vay khác không được đảm bảo.

12. Các khoản phải trả người bán

Bao gồm trong các khoản phải trả người bán có các khoản phải trả các bên liên quan như sau:

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Phải trả các bên liên quan khác	-	665.964.630

Khoản phải trả thương mại đối với các bên liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả trong vòng 60 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Thuế giá trị gia tăng	1.320.131.519	2.977.692.875
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.701.416.911	7.427.351.173
Thuế thu nhập cá nhân	555.672.231	76.480.747
Thuế nhà đất	468.617.689	1.693.732.000
	8.045.838.350	12.175.256.795

14. Chi phí phải trả

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Phải trả chi phí tiếp thị và quảng cáo	4.743.941.173	2.130.531.021
Phải trả chi phí điện, nước và tiện ích khác	1.346.775.336	1.995.514.882
	6.090.716.509	4.126.045.903

15. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Kinh phí công đoàn	106.552.554	112.622.726
Bảo hiểm xã hội	(43.725.226)	56.716.353
Bảo hiểm y tế	308.180.683	178.153.699
Bảo hiểm thất nghiệp	133.900.270	132.221.142
Các khoản phải trả, phải nộp khác	223.505.696	906.632.446
	728.413.977	1.386.346.366

16. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	2013 VND	2012 VND
Số dư đầu năm	2.713.839.866	759.068.905
Phân bổ từ lợi nhuận chưa phân phối (Thuyết minh 19)	537.804.455	7.624.119.000
Sử dụng trong năm	(972.784.978)	(5.669.348.039)
Số dư cuối năm	2.278.859.343	2.713.839.866

17. Các khoản dự phòng

Khoản tiền 5.458.254.250 VND phản ánh khoản dự phòng cho thuế giá trị gia tăng phải nộp vào ngân sách nhà nước theo bản án phúc thẩm số 03/HSPT ngày 12 và 13 tháng 1 năm 2005. Công ty có nghĩa vụ phải nộp khoản thuế này vào Ngân sách Nhà nước khi thu được tiền từ các cá nhân. Tại ngày báo cáo, Công ty vẫn không thu được khoản này từ các cá nhân.

18. Vay dài hạn

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Vay dài hạn	1.122.351.244	4.946.078.535
Hoàn trả trong vòng 12 tháng (Thuyết minh 11)	(1.122.351.244)	(2.174.078.535)
Hoàn trả sau 12 tháng	-	2.772.000.000

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn sổ dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Các khoản vay từ ngân hàng Indovina (“Indovinabank”)					
Hợp đồng tín dụng số 94MT/IVB HP-CR/2009	VND	18%	2014	-	1.700.000.000
Các khoản vay từ Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (“BIDV”)					
Hợp đồng tín dụng số 01.28.2009/HĐTĐ	VND	3,7%	2014	1.122.351.244	3.246.078.535
				1.122.351.244	4.946.078.535

Các khoản vay từ BIDV được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình có giá trị ghi sổ là 9.500 triệu VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 (31/12/2012: 13.408 triệu VND) (Thuyết minh 7).

Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

19. Vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2012	50.000.000.000	15.753.387.350	7.935.252.530	8.712.863.728	28.100.330.612	110.501.834.220
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	8.448.562.480	8.448.562.480
Phân bổ vào các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	3.224.000.000	1.612.000.000	(4.836.000.000)	-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(7.624.119.000)	(7.624.119.000)
(Thuyết minh 16)	-	-	-	-	(10.000.000.000)	(10.000.000.000)
Cổ tức (Thuyết minh 21)	-	-	-	-	-	-
Sử dụng các quỹ	-	-	-	(4.022.157)	-	(4.022.157)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2013	50.000.000.000	15.753.387.350	11.159.252.530	10.320.841.571	14.088.774.092	101.322.255.543
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	17.373.810.718	17.373.810.718
Phân bổ vào các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	1.075.608.908	537.804.454	(1.613.413.362)	-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(537.804.455)	(537.804.455)
(Thuyết minh 16)	-	-	-	-	(7.500.000.000)	(7.500.000.000)
Cổ tức (Thuyết minh 21)	-	-	(2.198.182)	(2.195.622)	(43.000.000)	(47.393.804)
Sử dụng các quỹ	-	-	-	-	-	-
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2013	50.000.000.000	15.753.387.350	12.232.663.256	10.856.450.403	21.768.366.993	110.610.868.002

20. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2013		31/12/2012	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	5.000.000	50.000.000.000	5.000.000	50.000.000.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	5.000.000	50.000.000.000	5.000.000	50.000.000.000
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	5.000.000	50.000.000.000	5.000.000	50.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

21. Cổ tức

Các cổ đông của Công ty vào ngày 24 tháng 4 năm 2013 đã quyết định phân phối khoản cổ tức 7.500 triệu VND (1.500 VND trên một cổ phiếu).

Trong năm trước, các cổ đông của Công ty vào ngày 27 tháng 4 năm 2012 đã quyết định phân phối khoản cổ tức 10.000 triệu VND (2.000 VND trên một cổ phiếu).

22. Các quỹ thuộc nguồn vốn chủ sở hữu

Các cổ đông của Công ty vào ngày 24 tháng 4 năm 2013 đã quyết định phân phối 1.075 triệu VND vào Quỹ đầu tư và phát triển và 538 triệu VND vào Quỹ dự phòng tài chính từ lợi nhuận thuần của năm 2012.

Các cổ đông của Công ty vào ngày 27 tháng 4 năm 2012 đã quyết định phân phối 3.224 triệu VND vào Quỹ đầu tư và phát triển và 1.612 triệu VND vào Quỹ dự phòng tài chính từ lợi nhuận thuần của năm 2011.

23. Tổng doanh thu

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	2013 VND	2012 VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán hàng	309.824.941.815	304.039.212.522
▪ Doanh thu cho thuê	1.022.727.279	857.469.093
	310.847.669.094	304.896.681.615
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Chiết khấu thương mại	1.568.649.957	1.381.354.191
▪ Giảm giá hàng bán	-	7.568.928
▪ Hàng bán bị trả lại	734.832.676	284.788.954
	2.303.482.633	1.673.712.073
Doanh thu thuần	308.544.186.461	303.222.969.542

24. Giá vốn hàng bán

	2013 VND	2012 VND
Tổng giá vốn hàng bán của		
▪ Thành phẩm và hàng hóa đã bán	203.400.933.422	213.410.243.599
▪ Giá vốn cho thuê	306.472.041	306.472.041
▪ Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(26.576.775)	357.255.386
	203.680.828.688	214.073.971.026

Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

25. Doanh thu hoạt động tài chính

	2013 VND	2012 VND
Lãi tiền gửi và cho vay	144.975.897	481.491.535
Cổ tức được chia	124.421.000	1.845.560.940
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	33.558.656
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	977.174	-
	270.374.071	2.360.611.131

26. Chi phí tài chính

	2013 VND	2012 VND
Chi phí lãi vay	333.345.353	2.424.788.354
Chiết khấu thanh toán	396.536.126	341.818.779
Dự phòng các khoản đầu tư vào công ty con	-	6.480.731.992
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn đã hoàn nhập	(3.908.535.116)	(241.633.200)
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	12.346.041	8.605.865
	(3.166.307.596)	9.014.311.790

27. Thu nhập khác

	2013 VND	2012 VND
Bán nguyên vật liệu mua hộ một công ty con	-	5.192.769.901
Giá trị còn lại của các tài sản cố định chuyển sang công ty con để góp vốn	-	14.557.888.802
Thu từ thanh lý tài sản cố định hữu hình	544.500.000	8.184.849.228
Thu từ bán công cụ, dụng cụ	614.008.852	739.090.981
Trả lại nguyên vật liệu	-	674.849.334
Thu nhập khác	77.491.821	943.759.574
	1.236.000.673	30.293.207.820

Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN****28. Chi phí khác**

	2013 VND	2012 VND
Nguyên giá của nguyên vật liệu mua hộ công ty con	-	5.192.769.901
Giá trị còn lại của các tài sản cố định chuyển sang công ty con để góp vốn	-	14.557.888.802
Giá trị còn lại của các tài sản cố định hữu hình đã thanh lý	-	8.184.849.228
Giá trị còn lại của các tài sản cố định vô hình đã thanh lý	544.500.000	-
Giá trị của các công cụ, dụng cụ đã thanh lý	488.898.309	739.090.981
Giá trị của nguyên vật liệu đã trả lại	-	635.942.235
Chi phí khác	641.847.656	1.168.321.254
	1.675.245.965	30.478.862.401

29. Thuế thu nhập doanh nghiệp**(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

	2013 VND	2012 VND
Chi phí thuế hiện hành		
Năm hiện hành	5.867.473.984	3.135.043.278
Dự phòng thiếu trong năm trước	539.707.894	-
	6.407.181.878	3.135.043.278

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2013 VND	2012 VND
Lợi nhuận trước thuế	23.780.992.596	11.583.605.758
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	5.945.248.149	2.895.901.440
Giảm thuế (*)	-	(1.343.589.976)
Chi phí không được khấu trừ thuế	930.464.864	2.044.122.049
Ảnh hưởng của chênh lệch tạm thời chưa được ghi nhận của năm trước	(977.133.779)	-
Thu nhập không bị tính thuế	(31.105.250)	(461.390.235)
Dự phòng thiếu trong năm trước	539.707.894	-
	6.407.181.878	3.135.043.278

(c) Thuế suất áp dụng

Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 25% trên lợi nhuận tính thuế.

Ngày 19 tháng 6 năm 2013, Quốc hội đã thông qua Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp. Theo đó, mức thuế suất thuế thu nhập cao nhất được giảm từ 25% xuống 22% cho năm 2014 và 2015, và giảm tiếp xuống 20% từ năm 2016.

(*) Ngày 30 tháng 7 năm 2012, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 60/2012/NĐ-CP sẽ có hiệu lực từ ngày 20/09/2012 cho phép Công ty được giảm 30% số thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm 2012.

30. Các công cụ tài chính

(a) Quản lý rủi ro tài chính

(i) Tổng quan

Các loại rủi ro mà Công ty phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình bao gồm:

- rủi ro tín dụng;
- rủi ro thanh khoản; và
- rủi ro thị trường.

Thuyết minh này cung cấp thông tin về từng loại rủi ro nêu trên mà Công ty có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu, chính sách và các quy trình Công ty sử dụng để đo lường và quản lý rủi ro.

Ban Kiểm soát của Công ty chịu trách nhiệm kiểm tra xem Ban Giám đốc giám sát việc tuân thủ chính sách và thủ tục quản lý rủi ro của Công ty như thế nào, và soát xét tính thích hợp của khung quản lý rủi ro liên quan đến những rủi ro mà Công ty gặp phải.

(ii) Khung quản lý rủi ro

Ban Kiểm soát có trách nhiệm chung trong việc thiết lập và giám sát khung quản lý rủi ro của Công ty. Ban Giám đốc có trách nhiệm xây dựng và giám sát các chính sách quản lý rủi ro của Công ty.

(b) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro lỗ tài chính của Công ty nếu một khách hàng hoặc bên đối tác của công cụ tài chính không đáp ứng được các nghĩa vụ theo hợp đồng, và phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng và các khoản đầu tư vào chứng khoán nợ.

Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN*****Ảnh hưởng của rủi ro tín dụng***

Tổng giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính thể hiện mức rủi ro tín dụng tối đa. Mức độ rủi ro tín dụng tối đa tại ngày báo cáo như sau:

	Thuyết minh	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	(i)	14.083.709.371	4.612.558.681
Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác	(ii)	24.630.090.902	24.969.197.633
		38.713.800.273	29.581.756.314

(i) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền gửi ngân hàng của Công ty chủ yếu được gửi tại các tổ chức tài chính danh tiếng. Ban Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này và không cho rằng các tổ chức tài chính này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Công ty.

(ii) Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác

Rủi ro tín dụng của Công ty chịu ảnh hưởng chủ yếu bởi đặc điểm của từng khách hàng. Đối phó với những rủi ro này, ban Giám đốc của Công ty đã thiết lập một chính sách tín dụng mà theo đó mỗi khách hàng mới sẽ được đánh giá riêng biệt về độ tin cậy của khả năng trả nợ trước khi Công ty đưa ra các điều khoản và điều kiện giao hàng và thanh toán chuẩn cho khách hàng đó. Hạn mức mua hàng trả chậm được thiết lập cho mỗi khách hàng, thể hiện số dư phải thu tối đa mà không cần phê duyệt bởi Tổng Giám đốc. Hạn mức này được soát xét hàng năm. Khoản phải thu đáo hạn trong vòng 30 đến 40 ngày kể từ ngày xuất hóa đơn. Khách hàng có số dư phải thu quá hạn được yêu cầu phải thanh toán số dư này trước khi được tiếp tục mua trả chậm. Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo nào từ các khách hàng.

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá chủ yếu là khoản phải thu từ các công ty có lịch sử trả nợ đáng tin cậy đối với Công ty. Ban Giám đốc tin rằng các khoản phải thu này có chất lượng tín dụng cao.

Tuổi nợ của các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác đã quá hạn nhưng không giảm giá tại thời điểm cuối năm như sau:

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Quá hạn từ 0 – 30 ngày	4.030.918.210	856.256.442
Quá hạn từ 31 – 180 ngày	3.893.698.784	22.359.744
Quá hạn trên 180 ngày	-	5.677.295
	7.924.616.994	884.293.481

Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN**

Biến động trong năm của dự phòng các khoản phải thu khó đòi như sau:

	2013 VND	2012 VND
Số dư đầu năm	6.669.379.826	6.680.161.326
Tăng dự phòng trong năm	212.000.000	17.218.500
Hoàn nhập	(37.330.374)	(28.000.000)
Số dư cuối năm	6.844.049.452	6.669.379.826

(c) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro trong đó Công ty không thể thanh toán cho các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Phương thức quản lý thanh khoản của Công ty là đảm bảo ở mức cao nhất rằng Công ty luôn có đủ khả năng thanh khoản để thanh toán các khoản phải trả khi đến hạn, trong điều kiện bình thường cũng như trong điều kiện căng thẳng về mặt tài chính, mà không làm phát sinh các mức tổn thất không thể chấp nhận được hoặc có nguy cơ gây tổn hại đến danh tiếng của Công ty.

Tại ngày báo cáo, các khoản nợ tài chính có khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được bao gồm cả khoản thanh toán tiền lãi ước tính có thời gian đáo hạn theo hợp đồng như sau:

31/12/2013

	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền theo hợp đồng VND	Trong vòng 1 năm VND	1 – 2 năm VND	2 – 5 năm VND
Phải trả người bán và phải trả khác	24.045.006.379	24.045.006.379	23.773.720.664	271.285.715	-
Các khoản vay ngắn hạn	10.159.608.819	10.837.116.102	10.837.116.102	-	-
Các khoản vay dài hạn	1.122.351.244	1.135.150.662	1.135.150.662	-	-
	35.326.966.442	36.017.273.143	35.745.987.428	271.285.715	-

31/12/2012

	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền theo hợp đồng VND	Trong vòng 1 năm VND	1 – 2 năm VND	2 – 5 năm VND
Phải trả người bán và phải trả khác	11.023.750.108	11.023.750.108	10.752.464.393	271.285.715	-
Các khoản vay ngắn hạn	65.431.545	65.954.997	65.954.997	-	-
Các khoản vay dài hạn	4.946.078.535	5.288.859.111	3.070.951.556	1.862.720.889	355.186.666
	16.035.260.188	16.378.564.216	13.889.370.946	2.134.006.604	355.186.666

Công ty quản lý khả năng thanh toán các khoản chi phí hoạt động dự kiến và thanh toán các khoản nợ bằng cách đầu tư khoản tiền thặng dư vào các khoản đầu tư ngắn hạn, duy trì một số hạn mức tín dụng vay ngân hàng, và quản lý và duy trì vốn lưu động của Công ty.

Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN****(d) Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường, như tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá cổ phiếu sẽ ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Công ty nắm giữ. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận thu được.

(i) Rủi ro tỷ giá hối đoái

Công ty có rủi ro tỷ giá hối đoái từ các giao dịch mua, bán và đi vay bằng đơn vị tiền tệ không phải là VND, đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty. Đơn vị tiền tệ của các giao dịch này chủ yếu là USD.

Rủi ro tỷ giá hối đoái của Công ty được quản lý bằng cách giữ mức rủi ro ở mức có thể chấp nhận được thông qua việc mua hoặc bán ngoại tệ ở tỷ giá giao ngay khi cần thiết để xử lý việc mức rủi ro tỷ giá hối đoái ngắn hạn vượt mức cho phép.

Ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá hối đoái

Công ty có các khoản nợ phải trả tiền tệ thuần chịu ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá hối đoái như sau:

	31/12/2013 USD	31/12/2012 USD
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.892	2.903

Sau đây là tỷ giá ngoại tệ chính được Công ty áp dụng:

	Tỷ giá tại ngày	
	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
1 USD	21.165	20.812

Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

Dưới đây là bảng phân tích các tác động có thể xảy ra đối với lợi nhuận thuần của Công ty sau khi xem xét mức hiện tại của tỷ giá hối đoái và sự biến động trong quá khứ cũng như kỳ vọng của thị trường tại ngày 31 tháng 12. Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến số khác sẽ không thay đổi, đặc biệt là lãi suất, và bỏ qua ảnh hưởng của các dự báo bán hàng và mua sắm:

**Ảnh hưởng đối với
lợi nhuận thuần
VND**

31/12/2013

USD (mạnh thêm 2% so với VND)

918.138

31/12/2012

USD (mạnh thêm 2% so với VND)

906.259

Biến động ngược lại của tỷ giá các đồng tiền có thể có cùng mức độ tác động nhưng ngược chiều đối với lợi nhuận thuần của Công ty.

(ii) *Rủi ro lãi suất*

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, tất cả các khoản vay ngắn hạn và các khoản phải trả dài hạn của Công ty chịu lãi suất cố định. Lợi nhuận thuần của Công ty sẽ không bị ảnh hưởng bởi tính bất ổn tiềm tàng của lãi suất.

(iii) *Các rủi ro thị trường khác*

Rủi ro giá cổ phiếu phát sinh từ chứng khoán vốn sẵn sàng để bán do Công ty nắm giữ. Ban Giám đốc của Công ty theo dõi các chứng khoán vốn trong danh mục đầu tư dựa trên các chỉ số thị trường. Các khoản đầu tư trọng yếu trong danh mục đầu tư được quản lý riêng rẽ và Ban Giám đốc của Công ty phê duyệt tất cả các quyết định mua và bán.

Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(e) Giá trị hợp lý

(i) So sánh giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ

Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính, cùng với các giá trị ghi sổ được trình bày tại bảng cân đối kế toán, như sau:

	31/12/2013		31/12/2012	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND
Được phân loại là tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:				
- Đầu tư ngắn hạn vào công cụ vốn chủ sở hữu nắm giữ để kinh doanh	1.741.762.200	1.741.762.200	1.770.688.000	1.770.688.000
Được phân loại là các khoản cho vay và phải thu:				
- Tiền và các khoản tương đương tiền	14.762.451.927	14.762.451.927	5.513.032.329	5.513.032.329
- Phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác – ngắn hạn	15.614.387.678	15.614.387.678	15.974.864.945	15.974.864.945
- Phải thu dài hạn khác	9.015.703.224	(*)	8.994.332.688	(*)
Được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ:				
- Phải trả người bán và các khoản phải trả khác	(24.045.006.379)	(24.045.006.379)	(11.023.750.108)	(11.023.750.108)
- Các khoản vay ngắn hạn	(10.159.608.819)	(10.159.608.819)	(65.431.545)	(65.431.545)
- Các khoản vay dài hạn	(1.122.351.244)	(*)	(4.946.078.535)	(*)
	5.807.338.587	(*)	16.217.657.774	(*)

(ii) Cơ sở xác định giá trị hợp lý

Các khoản đầu tư vào chứng khoán vốn chủ sở hữu và chứng khoán nợ

Giá trị hợp lý của chứng khoán vốn chủ sở hữu và chứng khoán nợ được xác định bằng kỹ thuật định giá theo phương pháp giá thị trường. Giá trị hợp lý của các công cụ này được xác định chỉ nhằm mục đích thuyết minh thông tin.

Tài sản và nợ phải trả tài chính phi phái sinh ngắn hạn

Giá trị hợp lý của các khoản tài sản và nợ phải trả tài chính phi phái sinh ngắn hạn được xác định là giá trị ghi sổ do bản chất ngắn hạn của các công cụ tài chính này.

Tài sản và nợ phải trả tài chính phi phái sinh dài hạn ()*

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản tài sản và nợ phải trả tài chính phi phái sinh dài hạn để thuyết minh thông tin theo quy định tại Điều 28 Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 6 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính bởi vì (i) không có giá niêm yết trên thị trường cho các tài sản và nợ phải trả tài chính này, và (ii) Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý trong trường hợp không có giá niêm yết trên thị trường. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

31. Các giao dịch đầu tư phi tiền tệ

	2013	2012
	VND	VND
Bù trừ cổ tức phải thu với các khoản phải trả thương mại đối với công ty con	-	1.700.000.000
Tài sản cố định hữu hình chuyển sang công ty con để góp vốn	-	14.557.888.802
Chi phí trả trước ngắn hạn chuyển sang công ty con để góp vốn	-	442.111.198

Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013**
(tiếp theo)**Mẫu B 09 – DN****32. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính, trong năm Công ty có các giao dịch sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	2013 VND	2012 VND
Công ty TNHH MTV Thực phẩm Đồ hộp Hạ Long (trước ngày 6 tháng 5 năm 2013)		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	11.259.976	376.162.582
Mua hàng hóa và dịch vụ	10.215.187.770	30.622.230.256
Cổ tức	-	1.700.000.000
Công ty TNHH MTV Đồ hộp Hạ Long – Đà Nẵng		
Bán thành phẩm	-	70.687.034
Bán nguyên vật liệu	316.729.512	5.192.769.901
Bán công cụ, dụng cụ	1.989.808	739.090.981
Tài sản cố định hữu hình được chuyển sang để góp vốn	-	14.577.888.802
Chi phí trả trước ngắn hạn được chuyển sang để góp vốn	-	442.111.198
Bán tài sản cố định vô hình	544.500.000	8.184.849.228
Mua hàng hóa và dịch vụ	41.553.944.223	16.086.561.806
Doanh thu từ tiền lãi	-	370.931.722
Thành viên Ban Giám đốc		
Tiền lương và thưởng	2.538.734.314	2.361.422.500
Thành viên Hội đồng Quản trị		
Tiền lương và thưởng	1.666.000.000	1.107.833.333

33. Hợp đồng thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Trong vòng một năm	555.185.840	1.635.891.265
Trong vòng hai đến năm năm	361.600.000	334.283.213
	916.785.840	1.970.174.478

Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

34. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	2013 VND	2012 VND
Chi phí nguyên vật liệu bao gồm trong chi phí sản xuất	179.685.716.618	198.712.950.178
Chi phí nhân công	54.449.101.189	47.791.364.534
Chi phí khấu hao	6.701.402.779	8.427.933.976
Chi phí dịch vụ mua ngoài	38.533.401.105	6.199.651.956
Chi phí khác	15.840.842.749	8.825.291.392

Người lập:


Nguyễn Hồng Nam
Kế toán trưởng



Người duyệt:

Wilson Cheah Hui Pin
Tổng Giám đốc

29 -03- 2014